

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 45/2026/VBHN-TT-BTC

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án đầu tư kinh doanh; cung cấp, đăng tải thông tin về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Thông tư số 98/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án đầu tư kinh doanh; cung cấp, đăng tải thông tin về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 10 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một phần bởi:

Thông tư số 129/2026/TT-BTC ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án đầu tư kinh doanh; cung cấp, đăng tải thông tin về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2026.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15, Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 225/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 225/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 180/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hợp tác công tư trong lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Căn cứ Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 257/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết về việc thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng Xây dựng - Chuyên giao;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án đầu tư kinh doanh; cung cấp, đăng tải thông tin về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.¹

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định:

1. Mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP), dự án đầu tư kinh doanh.

2. Cung cấp, đăng tải thông tin về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

¹ Thông tư số 129/2026/TT-BTC có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 274/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án đầu tư kinh doanh; cung cấp, đăng tải thông tin về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.”.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân liên quan đến việc lựa chọn nhà đầu tư thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 của Thông tư này.

2. Tổ chức, cá nhân có hoạt động lựa chọn nhà đầu tư không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu được chọn áp dụng quy định của Thông tư này. Trường hợp chọn áp dụng, trình tự cung cấp, đăng tải thông tin thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng* trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia* (sau đây gọi là Hệ thống), *Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp*, *Chứng thư số sử dụng trên Hệ thống*, *Hướng dẫn sử dụng*, *Tài khoản nghiệp vụ* được giải thích theo quy định tại các khoản 1, 2, 6, 7 và 10 Điều 3 Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (sau đây gọi là Thông tư số 79/2025/TT-BTC).

1a.² Các từ ngữ viết tắt tại Thông tư này và trên Hệ thống gồm:

- a) E-TBMQT là thông báo mời quan tâm qua mạng;
- b) E-HSMQT là hồ sơ mời quan tâm qua mạng;
- c) E-HSĐKTHDA là hồ sơ đăng ký thực hiện dự án qua mạng;
- d) E-HSĐXDA là hồ sơ đề xuất dự án đầu tư kinh doanh do nhà đầu tư đề xuất qua mạng;
- đ) E-VBĐXDA là văn bản đề xuất dự án đầu tư kinh doanh do nhà đầu tư đề xuất qua mạng;
- e) E-ĐXDA là đề xuất dự án đầu tư kinh doanh do nhà đầu tư đề xuất qua mạng;
- g) E-KQTHHĐ là kết quả thực hiện hợp đồng qua mạng;
- h) E-LSHĐDA là lịch sử ngừng/chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư qua mạng;
- i) E-VBĐKTHDA là văn bản đăng ký thực hiện dự án qua mạng;

² Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 129/2026/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2026.

k) E-VBTTLĐ là văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên qua mạng.

2. Văn bản điện tử là văn bản, thông tin được gửi, nhận và lưu trữ thành công trên Hệ thống, gồm:

- a) Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án PPP;
- b) Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư kinh doanh (đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư), văn bản phê duyệt thông tin dự án (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư);
- c) Bảng theo dõi tiến độ các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư kinh doanh; danh sách ngắn (đối với dự án đầu tư kinh doanh áp dụng hình thức đấu thầu hạn chế);
- d)³ Thông báo mời quan tâm, E-TBMQT, thông báo mời thầu;
- đ)⁴ Hồ sơ mời quan tâm, E-HSMQT, hồ sơ mời thầu;
- e) Thỏa thuận liên danh;
- g) Biên bản mở thầu;
- h) Kết quả mời quan tâm; danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật; kết quả lựa chọn nhà đầu tư;
- i)⁵ Nội dung làm rõ, sửa đổi hồ sơ mời quan tâm, E-HSMQT, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, E-HSĐKTHDA, hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu; nội dung kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư;
- k) Văn bản dưới dạng điện tử khác được trao đổi trên Hệ thống.

3. Thông tin không hợp lệ là thông tin do đối tượng quy định tại Điều 2 của Thông tư này tự đăng tải trên Hệ thống không tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP, pháp luật về đấu thầu, pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và pháp luật khác có liên quan.

4. Tổ chức tham gia Hệ thống là các cơ quan, tổ chức đăng ký tham gia Hệ thống với một hoặc một số vai trò như sau:

3 Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 129/2026/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2026.

4 Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 129/2026/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2026.

5 Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 129/2026/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2026.

- a) Cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng;
- b) Bên mời thầu, bên mời quan tâm;
- c) Nhà đầu tư;
- d) Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trung ương, cơ quan khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã.

5. Tài khoản tham gia Hệ thống là tài khoản do Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia cấp cho Tổ chức tham gia Hệ thống để thực hiện một hoặc một số vai trò quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 4. Lập khảo sát quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu dự án PPP

1. Bên mời thầu, tổ chuyên gia tổ chức lập khảo sát quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu dự án PPP theo quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là Luật PPP), Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là Nghị định số 243/2025/NĐ-CP), Nghị định số 257/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2025 quy định chi tiết về việc thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (sau đây gọi là Nghị định số 257/2025/NĐ-CP), hướng dẫn nội dung trong hoạt động đầu tư theo phương thức PPP của các bộ, cơ quan ngang bộ (nếu có) và quy định của pháp luật có liên quan như sau:

- a) Khảo sát quan tâm được thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này;
- b) Hướng dẫn nội dung trao đổi về hồ sơ mời thầu đối với dự án áp dụng hình thức đàm phán cạnh tranh được thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này;
- c) Hồ sơ mời thầu được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục III kèm theo Thông tư này;
- d) Hồ sơ yêu cầu đối với dự án áp dụng quy trình chỉ định nhà đầu tư thông thường được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư này.

2. Đối với dự án áp dụng quy trình chỉ định nhà đầu tư rút gọn:

- a) Trong quá trình thẩm định hồ sơ đề xuất dự án của nhà đầu tư, đơn vị thẩm định dự án đánh giá về khả năng thu xếp vốn của nhà đầu tư và sự phù hợp của nội dung dự thảo hợp đồng theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 27 của Nghị định số 243/2025/NĐ-CP như sau:

Khả năng thu xếp vốn của nhà đầu tư được đánh giá trên cơ sở quy định về đánh giá năng lực tại Mục 2 Chương II Phần 1 Phụ lục IV kèm theo Thông tư này.

Sự phù hợp của nội dung dự thảo hợp đồng được đánh giá trên cơ sở nội dung dự thảo hợp đồng quy định tại Phần 3 Phụ lục III kèm theo Thông tư này, Phụ lục III kèm theo Nghị định số 243/2025/NĐ-CP và Điều 14, Điều 16 Nghị định số 257/2025/NĐ-CP.

b) Sau khi có quyết định phê duyệt dự án và kết quả chỉ định nhà đầu tư, bên mời thầu xây dựng yêu cầu về năng lực, tài chính – thương mại theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 56 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP, điểm a khoản 3 Điều 10 Nghị định số 257/2025/NĐ-CP làm căn cứ tổ chức đàm phán, hoàn thiện hợp đồng như sau:

Yêu cầu về năng lực được xây dựng trên cơ sở cập nhật thông tin về tư cách hợp lệ, khả năng thu xếp vốn chủ sở hữu và khả năng huy động vốn vay của nhà đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án.

Yêu cầu về tài chính - thương mại được xây dựng trên cơ sở quy định về đánh giá tài chính - thương mại quy định tại Mục 4 Chương II Phần 1 Phụ lục IV kèm theo Thông tư này.

3. Đối với dự án áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt, yêu cầu về năng lực tài chính, điều kiện thực hiện dự án của nhà đầu tư được xây dựng trên cơ sở quy định của mẫu hồ sơ yêu cầu tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư này.

4. Trong các Phụ lục I, II, III và IV kèm theo Thông tư này, nội dung in nghiêng có mục đích hướng dẫn, minh họa và được cụ thể hóa tại hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trên cơ sở quy mô, tính chất, lĩnh vực và điều kiện riêng (nếu có) của từng dự án.

Điều 5. Lập thông báo mời quan tâm, E-TBMQT, hồ sơ mời quan tâm, E-HSMQT, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu dự án đầu tư kinh doanh⁶

1.⁷ Bên mời quan tâm, bên mời thầu, tổ chuyên gia tổ chức lập thông báo mời quan tâm, E-TBMQT, hồ sơ mời quan tâm, E-HSMQT, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu theo quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 274/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh

⁶ Tên điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 129/2026/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2026.

⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 129/2026/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2026.

doanh, hướng dẫn của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực (nếu có) và quy định của pháp luật có liên quan như sau:

a)⁸ Thông báo mời quan tâm, E-TBMQT, hồ sơ mời quan tâm, E-HSMQT được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục V, Phụ lục V.A kèm theo Thông tư này;

b) Hồ sơ mời thầu đối với dự án áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục VI kèm theo Thông tư này;

c) Hồ sơ mời thầu đối với dự án áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục VII kèm theo Thông tư này;

d) Hồ sơ yêu cầu đối với dự án áp dụng quy trình chỉ định nhà đầu tư thông thường theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 44đ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Thông tư này;

đ) Đối với dự án đầu tư kinh doanh điện lực, mẫu hồ sơ đấu thầu thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Công Thương.

2.⁹ Đối với dự án áp dụng quy trình chỉ định nhà đầu tư rút gọn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 48 Nghị định số 274/2026/NĐ-CP, yêu cầu về năng lực và hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương được xây dựng trên cơ sở quy định của mẫu hồ sơ yêu cầu tại Phụ lục VIII kèm theo Thông tư này.

3. Đối với dự án áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt, yêu cầu về năng lực tài chính, điều kiện thực hiện dự án của nhà đầu tư được xây dựng trên cơ sở quy định của mẫu hồ sơ yêu cầu tại Phụ lục VIII kèm theo Thông tư này.

4. Đối với dự án áp dụng phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ, hồ sơ mời thầu được xây dựng trên cơ sở quy định của mẫu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục VI kèm theo Thông tư này.

5.¹⁰ Trong các Phụ lục V, V.A, VI, VII và VIII kèm theo Thông tư này, nội dung in nghiêng có mục đích hướng dẫn, minh họa và được cụ thể hóa tại hồ

8 Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 129/2026/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2026.

9 Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 129/2026/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2026.

10 Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 129/2026/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2026.

sơ mời quan tâm, E-HSMQT, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trên cơ sở quy mô, tính chất, lĩnh vực và điều kiện riêng (nếu có) của từng dự án.

Chương II

CUNG CẤP, ĐĂNG TẢI THÔNG TIN VỀ ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC PPP, ĐẤU THẦU LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ TRÊN HỆ THỐNG

Điều 6. Nguyên tắc cung cấp, đăng tải thông tin trên Hệ thống

1. Quy định về định dạng tệp tin (file) đính kèm; xử lý kỹ thuật trong trường hợp Hệ thống gặp sự cố ngoài khả năng kiểm soát; quản lý tài khoản và sử dụng chứng thư số; gửi, nhận văn bản điện tử trên Hệ thống; điều kiện hạ tầng công nghệ thông tin thực hiện theo quy định tương ứng tại các Điều 5, 6, 7, 8 và 9 của Thông tư số 79/2025/TT-BTC.

2. Tổ chức vận hành Hệ thống thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 52 của Luật Đấu thầu, Điều 25 của Thông tư số 79/2025/TT-BTC và trách nhiệm tương ứng về cung cấp, đăng tải thông tin trên Hệ thống theo quy định tại Thông tư này.

Điều 7. Thông tin dự án và khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư

1. Đối với dự án PPP:

a) Cơ quan có thẩm quyền đăng tải hoặc giao cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc đăng tải thông tin của dự án trên Hệ thống kèm theo quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có), quyết định phê duyệt dự án, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án (nếu có) trước khi tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP.

b) Cơ quan có thẩm quyền đăng tải hoặc giao cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc đăng tải thông báo khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư trên Hệ thống. Việc khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 243/2025/NĐ-CP.

2.¹¹ Đối với dự án đầu tư kinh doanh:

a) Trường hợp dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư:

¹¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 129/2026/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2026.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban quản lý khu kinh tế giao cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã đăng tải quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư lên Hệ thống trước khi tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 274/2026/NĐ-CP.

b) Trường hợp dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư:

Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban quản lý khu kinh tế giao cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã đăng tải thông tin dự án đầu tư kinh doanh trên Hệ thống trước khi tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 11 Nghị định số 274/2026/NĐ-CP.

Điều 8. Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư kinh doanh¹²

1. Bên mời thầu đăng tải bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống trước khi tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại khoản 6 Điều 12 Nghị định số 274/2026/NĐ-CP.

2. Bên mời thầu cập nhật thời gian thực hiện thực tế và so sánh thời gian chênh lệch khi trình người có thẩm quyền phê duyệt các nội dung đấu thầu để theo dõi tiến độ, cập nhật tiến độ, nguyên nhân chậm tiến độ (nếu có) trên Hệ thống.

Điều 9. Phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời quan tâm, E-HSMQT; gia hạn thời gian nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, E-HSDKTHDA đối với dự án đầu tư kinh doanh¹³

1. Phát hành:

a) Hồ sơ mời quan tâm, E-HSMQT được phát hành miễn phí và đồng thời với thông báo mời quan tâm, E-TBMQT trên Hệ thống. Trong quá trình đăng tải thông báo mời quan tâm, E-TBMQT, bên mời quan tâm đính kèm quyết định phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, E-HSMQT và hồ sơ mời quan tâm, E-HSMQT đã được phê duyệt;

b) Bên mời quan tâm không được phát hành bản giấy hồ sơ mời quan tâm, E-HSMQT. Trường hợp bên mời quan tâm phát hành bản giấy cho nhà đầu tư thì bản giấy không có giá trị pháp lý để lập, đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, E-HSDKTHDA.

2. Sửa đổi:

¹² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 129/2026/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2026.

¹³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 129/2026/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2026.

a) Trường hợp sửa đổi hồ sơ mời quan tâm, E-HSMQT sau khi phát hành, bên mời quan tâm đăng tải trên Hệ thống quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi hồ sơ mời quan tâm, E-HSMQT và hồ sơ mời quan tâm, E-HSMQT đã được sửa đổi;

b) Việc sửa đổi phải bảo đảm tuân thủ thời gian quy định tại khoản 3 Điều 40 Nghị định số 274/2026/NĐ-CP.

3. Làm rõ:

a) Trường hợp cần làm rõ hồ sơ mời quan tâm, E-HSMQT, nhà đầu tư gửi đề nghị làm rõ đến bên mời quan tâm trên Hệ thống tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, E-HSĐKTHDA;

b) Bên mời quan tâm đăng tải văn bản làm rõ hồ sơ mời quan tâm, E-HSMQT trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, E-HSĐKTHDA;

c) Nội dung làm rõ hồ sơ mời quan tâm, E-HSMQT không được trái với nội dung của hồ sơ mời quan tâm, E-HSMQT đã được đăng tải trên Hệ thống. Trường hợp sau khi làm rõ hồ sơ mời quan tâm, E-HSMQT dẫn đến phải sửa đổi hồ sơ mời quan tâm, E-HSMQT này thì việc sửa đổi hồ sơ mời quan tâm, E-HSMQT thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Gia hạn thời gian nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, E-HSĐKTHDA:

Trường hợp cần gia hạn thời gian nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, E-HSĐKTHDA, bên mời quan tâm đăng tải thông báo gia hạn kèm theo quyết định phê duyệt gia hạn trên Hệ thống. Thông báo gia hạn gồm lý do gia hạn và thời điểm đóng thầu mới.

Điều 10. Danh sách ngắn đối với dự án đầu tư kinh doanh áp dụng hình thức đấu thầu hạn chế

Bên mời thầu đăng tải công khai danh sách ngắn đã được phê duyệt và đính kèm quyết định phê duyệt trên Hệ thống, phù hợp với Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư.

Điều 11. Mời thầu, phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu; gia hạn thời điểm đóng thầu đối với dự án PPP

1. Mời thầu:

a) Đối với dự án áp dụng hình thức đàm phán cạnh tranh, thư mời thầu được gửi đến các nhà đầu tư có tên trong danh sách ngắn, trong đó nêu rõ thời gian, địa điểm phát hành hồ sơ mời thầu, thời gian đóng thầu, mở thầu;

b) Đối với dự án áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, bên mời thầu đăng tải thông báo mời thầu trên Hệ thống theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 243/2025/NĐ-CP;

c) Đối với dự án áp dụng lựa chọn nhà đầu tư quốc tế, bên mời thầu đăng tải thông báo mời thầu bằng tiếng Anh và tiếng Việt trên Hệ thống theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 243/2025/NĐ-CP và trên trang thông tin điện tử của Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan khác, bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có) hoặc tờ báo bằng tiếng Anh được phát hành tại Việt Nam.

2. Phát hành hồ sơ mời thầu:

a) Đối với dự án áp dụng hình thức đàm phán cạnh tranh trong nước, hồ sơ mời thầu được phát hành miễn phí cho các nhà đầu tư có tên trong danh sách ngắn;

b) Đối với dự án áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi trong nước, hồ sơ mời thầu được phát hành miễn phí và đầy đủ tệp tin (file) hồ sơ mời thầu trên Hệ thống;

c) Đối với dự án áp dụng lựa chọn nhà đầu tư quốc tế, hồ sơ mời thầu được phát hành trên Hệ thống. Nhà đầu tư nộp một khoản tiền bằng giá bán 01 bộ hồ sơ mời thầu bản điện tử khi nộp hồ sơ dự thầu theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 44 của Nghị định số 243/2025/NĐ-CP;

d) Đối với hồ sơ mời thầu được phát hành trên Hệ thống theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này, bên mời thầu không được phát hành hồ sơ mời thầu bản giấy cho nhà đầu tư. Trường hợp bên mời thầu phát hành bản giấy cho nhà đầu tư thì bản giấy không có giá trị pháp lý để lập, đánh giá hồ sơ dự thầu.

đ) Trong quá trình đăng tải thông báo mời thầu, bên mời thầu đính kèm quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu và hồ sơ mời thầu đã được phê duyệt.

e) Trường hợp nội dung của hồ sơ mời thầu được đăng tải trên Hệ thống có sự sai khác với nội dung của hồ sơ mời thầu được phê duyệt thì hồ sơ mời thầu được phê duyệt là cơ sở để lập, đánh giá hồ sơ dự thầu.

3. Sửa đổi hồ sơ mời thầu:

a) Trường hợp sửa đổi hồ sơ mời thầu sau khi phát hành, quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi hồ sơ mời thầu được bên mời thầu gửi tới các nhà đầu tư trong danh sách ngắn đối với dự án áp dụng hình thức đàm phán cạnh tranh hoặc đăng tải trên Hệ thống đối với dự án áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi;

b) Việc đăng tải quyết định sửa đổi hồ sơ mời thầu được thực hiện trong thời hạn tối thiểu là 10 ngày đối với lựa chọn nhà đầu tư trong nước và 15 ngày đối với

lựa chọn nhà đầu tư quốc tế trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp thời gian đăng tải văn bản sửa đổi không đáp ứng quy định này thì bên mời thầu phải thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng.

4. Làm rõ hồ sơ mời thầu:

a) Đối với dự án áp dụng hình thức đàm phán cạnh tranh, nhà đầu tư gửi văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu đến bên mời thầu tối thiểu 05 ngày làm việc (đối với lựa chọn nhà đầu tư trong nước), 07 ngày làm việc (đối với lựa chọn nhà đầu tư quốc tế) trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 44 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP. Việc làm rõ hồ sơ mời thầu được bên mời thầu thực hiện theo hình thức gửi văn bản làm rõ cho các nhà đầu tư trong danh sách ngắn;

b) Đối với dự án áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, nhà đầu tư gửi văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu đến bên mời thầu hoặc thông qua Hệ thống tối thiểu 05 ngày làm việc (đối với lựa chọn nhà đầu tư trong nước), 07 ngày làm việc (đối với lựa chọn nhà đầu tư quốc tế) trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 44 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP. Việc làm rõ hồ sơ mời thầu được bên mời thầu thực hiện theo hình thức đăng tải văn bản làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu;

c) Trường hợp cần thiết, bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong hồ sơ mời thầu mà nhà đầu tư chưa rõ. Nội dung trao đổi phải được bên mời thầu ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ hồ sơ mời thầu; văn bản làm rõ phải được gửi tới các nhà đầu tư trong danh sách ngắn đối với dự án quy định tại điểm a khoản này hoặc đăng tải trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu;

d) Nội dung làm rõ hồ sơ mời thầu không được trái với nội dung của hồ sơ mời thầu đã được phê duyệt và đăng tải trên Hệ thống. Trường hợp sau khi làm rõ hồ sơ mời thầu dẫn đến phải sửa đổi hồ sơ mời thầu thì việc sửa đổi hồ sơ mời thầu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Gia hạn thời gian nộp hồ sơ dự thầu:

a) Bên mời thầu gửi thông báo gia hạn kèm theo quyết định gia hạn đến các nhà đầu tư trong danh sách ngắn (đối với dự án áp dụng hình thức đàm phán cạnh tranh) hoặc đăng tải thông báo gia hạn kèm theo quyết định phê duyệt gia hạn trên Hệ thống;

b) Thông báo gia hạn gồm lý do gia hạn và thời điểm đóng thầu mới.

Điều 12. Mời thầu, phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu; gia hạn thời điểm đóng thầu đối với dự án đầu tư kinh doanh

1. Mời thầu:

a) Đối với dự án áp dụng hình thức đấu thầu hạn chế, thư mời thầu được gửi đến các nhà đầu tư có tên trong danh sách ngắn;

b) Đối với dự án áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, thông báo mời thầu được đăng tải trên Hệ thống;

c) Đối với dự án áp dụng đấu thầu rộng rãi quốc tế, bên mời thầu đăng tải thông báo mời thầu bằng tiếng Anh và tiếng Việt trên Hệ thống và trên trang thông tin điện tử của bộ, cơ quan trung ương, cơ quan khác, bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có) hoặc tờ báo bằng tiếng Anh được phát hành tại Việt Nam.

2. Phát hành hồ sơ mời thầu:

a) Đối với dự án áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi trong nước, hồ sơ mời thầu được phát hành miễn phí và đầy đủ tệp tin (file) hồ sơ mời thầu trên Hệ thống;

b) Đối với dự án áp dụng hình thức đấu thầu hạn chế trong nước, hồ sơ mời thầu được phát hành miễn phí và đầy đủ tệp tin (file) hồ sơ mời thầu trên Hệ thống cho các nhà đầu tư có tên trong danh sách ngắn;

c)¹⁴ Đối với dự án áp dụng đấu thầu quốc tế, hồ sơ mời thầu được phát hành trên Hệ thống. Nhà đầu tư nộp một khoản tiền bằng giá bán 01 bộ hồ sơ mời thầu bản điện tử khi nộp hồ sơ dự thầu theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 7 và điểm c khoản 2 Điều 17 Nghị định số 274/2026/NĐ-CP;

d) Bên mời thầu không được phát hành hồ sơ mời thầu bản giấy cho nhà đầu tư. Trường hợp bên mời thầu phát hành bản giấy cho nhà đầu tư thì bản giấy không có giá trị pháp lý để lập, đánh giá hồ sơ dự thầu;

đ) Trong quá trình đăng tải thông báo mời thầu, bên mời thầu đính kèm quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu và hồ sơ mời thầu đã được phê duyệt;

e) Trường hợp nội dung của hồ sơ mời thầu được đăng tải trên Hệ thống có sự sai khác với nội dung của hồ sơ mời thầu được phê duyệt thì hồ sơ mời thầu được phê duyệt là cơ sở để lập, đánh giá hồ sơ dự thầu.

3. Sửa đổi hồ sơ mời thầu:

¹⁴ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 129/2026/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2026.

a) Trường hợp sửa đổi hồ sơ mời thầu sau khi phát hành, bên mời thầu phải đăng tải trên Hệ thống quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ mời thầu đã được sửa đổi.

b) Việc đăng tải quyết định sửa đổi hồ sơ mời thầu được thực hiện trong thời hạn tối thiểu là 15 ngày đối với đấu thầu trong nước và 25 ngày đối với đấu thầu quốc tế trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp thời gian đăng tải văn bản sửa đổi không đáp ứng quy định này thì bên mời thầu phải thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng.

4. Làm rõ hồ sơ mời thầu:

a) Đối với dự án áp dụng đấu thầu trong nước, nhà đầu tư gửi văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu đến bên mời thầu trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 07 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu;

b) Đối với dự án áp dụng hình thức đấu thầu quốc tế, nhà đầu tư gửi văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu trực tiếp đến bên mời thầu trong thời hạn tối thiểu 15 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu;

c) Bên mời thầu đăng tải nội dung làm rõ hồ sơ mời thầu trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu;

d) Trường hợp cần thiết, bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong hồ sơ mời thầu mà nhà đầu tư chưa rõ. Nội dung trao đổi giữa bên mời thầu và nhà đầu tư phải được bên mời thầu lập thành biên bản làm rõ hồ sơ mời thầu và phải được đăng tải trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu;

đ) Nội dung làm rõ hồ sơ mời thầu không được trái với nội dung của hồ sơ mời thầu đã được phê duyệt và đăng tải trên Hệ thống. Trường hợp sau khi làm rõ hồ sơ mời thầu dẫn đến phải sửa đổi hồ sơ mời thầu thì việc sửa đổi hồ sơ mời thầu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Gia hạn thời gian nộp hồ sơ dự thầu:

a) Bên mời thầu đăng tải thông báo gia hạn kèm theo quyết định phê duyệt gia hạn trên Hệ thống;

b) Thông báo gia hạn gồm lý do gia hạn và thời điểm đóng thầu mới.

Điều 13. Hủy, gia hạn, sửa đổi thông tin đã đăng tải

Việc hủy, gia hạn, sửa đổi thông tin đã đăng tải được thực hiện theo Hướng dẫn sử dụng.

Điều 14. Đăng tải kết quả lựa chọn nhà đầu tư

1. Đối với dự án PPP, bên mời thầu đăng tải kết quả lựa chọn nhà đầu tư và đính kèm quyết định phê duyệt trên Hệ thống trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

2. Đối với dự án đầu tư kinh doanh, bên mời thầu đăng tải kết quả lựa chọn nhà đầu tư và đính kèm quyết định phê duyệt trên Hệ thống trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

Điều 15. Các thông tin khác đăng tải trên Hệ thống và quy trình đăng tải trên Hệ thống

1. Ngoài các thông tin được đăng tải trên Hệ thống theo quy định tại các Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 và 14 của Thông tư này, các thông tin khác được đăng tải trên Hệ thống như sau:

a) Biên bản mở thầu được đăng tải trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm mở thầu;

b) Quyết định hủy thầu được đăng tải trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định;

c) Văn bản giải quyết kiến nghị của bên mời thầu, người có thẩm quyền được đăng tải trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản giải quyết kiến nghị;

d) Danh sách nhà đầu tư đáp ứng về kỹ thuật được đăng tải trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt.

2. Quy trình đăng tải thông tin tại các Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 và khoản 1 Điều này được thực hiện theo Hướng dẫn sử dụng.

Điều 16. Trách nhiệm của các bên khi tham gia Hệ thống

1. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại điểm a và điểm d khoản 4 Điều 3 của Thông tư này:

a) Đối với dự án PPP, thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 94 của Luật PPP và khoản 1 Điều 3 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP;

b) Đối với dự án đầu tư kinh doanh, thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Điều 77 và các điểm a, b và e khoản 2 Điều 7 của Luật Đấu thầu;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của các thông tin đã đăng ký, đăng tải trên Hệ thống khi đăng nhập bằng Tài khoản tham gia Hệ thống của mình;

- d) Kiểm tra và xác nhận việc đăng tải các thông tin của mình trên Hệ thống;
- đ) Theo dõi, cập nhật các thông tin đã đăng tải trên Hệ thống và các thông tin mà Hệ thống phản hồi;
- e) Quản lý và chịu trách nhiệm trong việc sử dụng chứng thư số trên Hệ thống.

2. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại điểm b khoản 4 Điều 3 của Thông tư này:

- a) Đối với dự án PPP, đăng tải thông tin về thông báo mời thầu, kết quả lựa chọn nhà đầu tư quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Luật PPP;
- b) Đối với dự án đầu tư kinh doanh, thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật Đấu thầu;
- c) Chịu trách nhiệm về tính thống nhất của tài liệu đăng tải trên Hệ thống với tài liệu đã được phê duyệt;
- d) Theo dõi, cập nhật các thông tin đã đăng tải trên Hệ thống và các thông tin mà Hệ thống phản hồi;
- đ) Quản lý và chịu trách nhiệm việc sử dụng chứng thư số trên Hệ thống.

3. Trách nhiệm của nhà đầu tư trong quá trình quan tâm, tham dự thầu:

- a) Chịu trách nhiệm về tính chính xác của file tài liệu đính kèm trong quá trình quan tâm, tham dự thầu;
- b) Theo dõi, cập nhật các thông tin trên Hệ thống đối với các dự án mà nhà đầu tư quan tâm hoặc tham dự. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà đầu tư trong quá trình quan tâm, tham dự thầu bao gồm: sửa đổi hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu; thay đổi thời gian nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, hồ sơ dự thầu; thay đổi thời gian làm rõ hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu và các nội dung khác thì nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình quan tâm, tham dự thầu;
- c) Trường hợp người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền cho giám đốc chi nhánh, giám đốc công ty con hạch toán phụ thuộc, giám đốc xí nghiệp và người đứng đầu đơn vị hạch toán phụ thuộc khác để thực hiện các công việc trong quá trình quan tâm, tham dự thầu thì phải thực hiện bằng tài khoản tham gia Hệ thống của nhà đầu tư mà không được sử dụng tài khoản tham gia Hệ thống của chi nhánh, công ty con, xí nghiệp, đơn vị hạch toán phụ thuộc khác;

d) Thực hiện các trách nhiệm khác bao gồm: đăng ký tham gia Hệ thống để bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu; thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Điều 82 của Luật Đấu thầu; quản lý tài khoản tham gia Hệ thống, chứng thư số đăng ký trên Hệ thống.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN¹⁵

¹⁵ “Các Điều 2 và 3 của Thông tư số 129/2026/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với dự án đang lập hồ sơ mời quan tâm; lập, thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu nhưng đến ngày Thông tư này có hiệu lực thì hành chưa phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu hoặc đã phê duyệt nhưng chưa phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, bên mời quan tâm, bên mời thầu tổ chức lập hoặc sửa đổi hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu theo quy định tại Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15), Nghị định số 274/2026/NĐ-CP và Thông tư này.

2. Đối với dự án đã phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu nhưng đến ngày Thông tư này có hiệu lực thì hành chưa mở thầu thì bên mời quan tâm, bên mời thầu báo cáo người có thẩm quyền xem xét tiếp tục mở thầu, đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất theo hồ sơ đã phát hành hoặc gia hạn thời điểm đóng thầu để sửa đổi, bổ sung hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu theo quy định tại Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15), Nghị định số 274/2026/NĐ-CP và Thông tư này.

3. Đối với dự án đã mở thầu, đang đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất nhưng đến thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì hành chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thì người có thẩm quyền phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gồm nội dung quy định tại khoản 2 Điều 28 của Nghị định số 274/2026/NĐ-CP.

4. Đối với dự án đã phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc đã ký kết hợp đồng nhưng đến thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì hành chưa đăng tải thông tin chủ yếu của hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh thì bên mời thầu đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia gồm các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 31 của Nghị định số 274/2026/NĐ-CP.

5. Cá nhân đã được cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu lựa chọn nhà thầu theo quy định hoặc các chứng chỉ có giá trị như chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu quy định tại Điều 37 Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 105/2025/TT-BTC ngày 31/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT) còn hiệu lực thì được sử dụng các chứng chỉ này để tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định trong lựa chọn nhà thầu.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2026.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 105/2025/TT-BTC ngày 31/10/2025) như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 7 như sau:

b) Cá nhân tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định lựa chọn nhà thầu đối với dự án đầu tư kinh doanh theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 274/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án đầu tư kinh doanh;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu của Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT như sau:

Điều 17. Điều khoản chuyển tiếp

1. Kể từ ngày các Nghị định số 180/2025/NĐ-CP, Nghị định số 225/2025/NĐ-CP, Nghị định số 243/2025/NĐ-CP, Nghị định số 257/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đến trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, dự án PPP hoặc dự án đầu tư kinh doanh đã phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu tuân thủ quy định tại Luật PPP hoặc Luật Đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15) và các Nghị định quy định chi tiết thì việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đã được phát hành.

2. Đối với dự án PPP, dự án đầu tư kinh doanh đã phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu nhưng đến thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành chưa phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu thì bên mời quan tâm, bên mời thầu rà soát, cập nhật hồ sơ, báo cáo người có thẩm quyền, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt sửa đổi theo quy định tại Luật PPP hoặc Luật Đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15), các Nghị định quy định chi tiết và Thông tư này.

3. Đối với dự án PPP, dự án đầu tư kinh doanh chưa phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, việc lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu thực hiện theo quy định tại Luật PPP hoặc Luật Đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15), các Nghị định quy định chi tiết và Thông tư này.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Thông tư số 15/2024/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án đầu tư kinh doanh; cung cấp, đăng tải thông tin về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hết hiệu lực thi hành.

Căn cứ nhu cầu của học viên về cập nhật, nâng cao kiến thức nghiệp vụ chuyên môn đấu thầu, cơ sở đào tạo đấu thầu có thể tổ chức bồi dưỡng theo một hoặc các chuyên đề sau đây:

c) Bãi bỏ đoạn “Căn cứ nhu cầu của học viên về cập nhật, nâng cao kiến thức nghiệp vụ chuyên môn, cơ sở đào tạo đấu thầu có thể tổ chức bồi dưỡng theo một hoặc các chuyên đề sau đây:” tại Mục C Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT.

d) Bãi bỏ ghi chú (1) tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc liên quan đến nội dung về quy định tại Thông tư này, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan gửi ý kiến về Bộ Tài chính để kịp thời xem xét, hướng dẫn/”.

3. Trong thời gian Bộ quản lý ngành chưa ban hành hướng dẫn việc áp dụng các tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương và phương pháp xác định tiêu chuẩn, nội dung hồ sơ đấu thầu được lập trên cơ sở vận dụng mẫu hồ sơ quy định tại các Phụ lục V, VI, VII, VIII kèm theo Thông tư này nhưng phải tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực, bảo đảm mục tiêu cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc liên quan đến nội dung về quy định tại Thông tư này, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan gửi ý kiến về Bộ Tài chính để kịp thời xem xét, hướng dẫn./.

BỘ TÀI CHÍNH

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2026

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quốc Phương

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ Tư pháp (để theo dõi);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (để đăng tải);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính (để đăng tải);
- Vụ PC (để đăng trên CSDL quốc gia về pháp luật);
- Lưu: VT, QLĐT (5 b).